

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Cục Kiểm soát thủ tục hành chính

**BỘ CHỈ SỐ PHỤC VỤ NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP
& SỐ HÓA HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**



Bình Định, 2023

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

Đánh giá dựa trên dữ liệu theo thời gian thực về tình hình thực hiện TTHC, cung cấp DVC

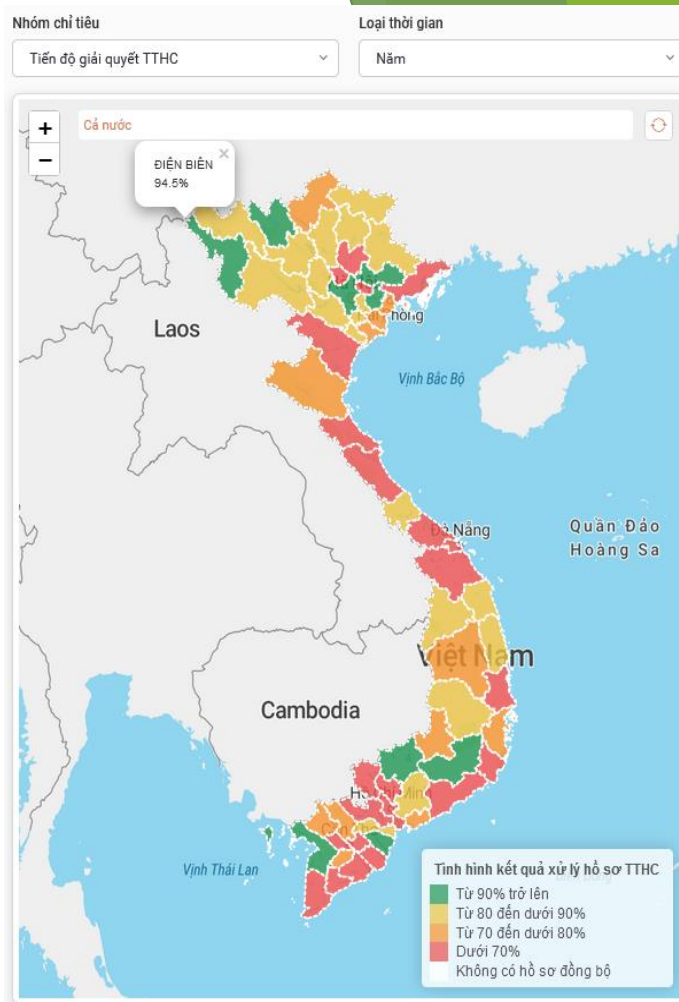
- Phục vụ chỉ đạo, điều hành hàng ngày của Lãnh đạo các cấp;
- Phục vụ theo dõi, giám sát, đánh giá của người dân, doanh nghiệp đến từng hồ sơ
- Cá thể hóa trách nhiệm đến từng cơ quan, đơn vị, CBCC

SO SÁNH VỚI CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

*Đựa trên dữ
liệu, theo
thời gian
thực*

Kiểm tra,
đánh giá
khảo sát

Qua báo
cáo giấy



PARINDEX

- Là công cụ quan trọng để theo dõi, đánh giá hoạt động cải cách hành chính
- Cấu trúc thành: 8 lĩnh vực đánh giá, 43 tiêu chí, 102 tiêu chí thành phần
- Phương pháp đánh giá:
(1) Tự đánh giá; (2) Bộ Nội vụ thẩm định trên cơ sở tư vấn của Hội đồng thẩm định

SIPAS

- Là kết quả mang tính định hướng đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của CQHCCN.
- Tiêu chí đo lường: 05 yếu tố cơ bản của quá trình cung ứng dịch vụ hành chính công, gồm 22 tiêu chí.
- Phương pháp đánh giá: Chủ yếu thông qua phiếu điều tra xã hội học điều tra xã hội học.

PAPI

- Đo lường hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh
- Tiêu chí đo lường: 08 chỉ số lĩnh vực nội dung, 28 chỉ số nội dung thành phần và hơn 120 chỉ tiêu cụ thể
- Phương pháp đánh giá: Chủ yếu thông qua điều tra xã hội học.

PCI

- Chỉ số đo lường và đánh giá chất lượng điều hành kinh tế, mức độ thuận lợi, thân thiện của môi trường kinh doanh
- Tiêu chí đo lường: 10 chỉ số thành phần liên quan tới sự phát triển của doanh nghiệp
- Phương pháp đánh giá: Qua điều tra, khảo sát bằng thư đến hàng chục ngàn doanh nghiệp tư nhân; qua các nguồn đã được công bố.

MỘT SỐ YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ SỐ CẢI CÁCH HIỆN NAY

Các chỉ số phụ thuộc nhiều vào đánh giá chủ quan của các đơn vị được chấm điểm, các ý kiến điều tra xã hội học dẫn đến số liệu chưa phản ánh đúng thực tế khách quan

1

Đối tượng tự chấm điểm cung cấp tài liệu kiểm chứng thiếu khách quan, cơ quan thẩm định thiếu biện pháp để kiểm chứng.

2

Người dân, tổ chức còn e ngại, hoặc cung cấp thông tin thiếu chính xác khi được điều tra xã hội học.

3

Nhận thức, kỹ năng làm việc của một số điều tra viên xã hội học còn hạn chế.

4

Nội dung đo lường sự hài lòng của người dân còn phụ thuộc nhiều vào sự hiểu biết, kinh nghiệm, quan điểm và nhu cầu của mỗi cá nhân.

5

Đánh giá theo năm nên số liệu có độ trễ.

SO SÁNH CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ



MỘT SỐ YÊU CẦU ĐÁNH GIÁ

❖ Khách quan, công bằng

Bảng dữ liệu theo thời gian thực

❖ Kịp thời

Năm → Quý → Tháng → Tuần →
Ngày → Giờ

❖ Cá thể hóa trách nhiệm

Xác định bắt cập, hạn chế → Xác
định rõ cơ quan, đơn vị chịu trách
nhiệm → xác định rõ cá nhân chịu
trách nhiệm

NHÓM CHỈ SỐ

1

CÔNG KHAI, MINH BẠCH

(Công bố, công khai TTHC; công khai, minh bạch tiến độ, kết quả giải quyết hồ sơ,..)

2

TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT

(Tiến độ giải quyết TTHC; Thời gian giải quyết TTHC trung bình; Tiến độ theo từng TTHC, lĩnh vực)

3

MỨC ĐỘ SỐ HÓA

(Số hóa hồ sơ; tái sử dụng kết quả số hóa; cấp kết quả giải quyết điện tử; kết nối, chia sẻ dữ liệu; chứng thực điện tử; thực hiện Đề án 06)

4

DỊCH VỤ TRỰC TUYẾN

(Dịch vụ công trực tuyến và Thanh toán trực tuyến)

5

MỨC ĐỘ HÀI LÒNG

(Phản ánh, kiến nghị; HÀi lòng trong tiếp nhận, giải quyết TTHC; Trách nhiệm giải trình)

NGUỒN DỮ LIỆU PHÂN TÍCH

- Dữ liệu đồng bộ hồ sơ, thống kê tình hình xử lý hồ sơ từ Cổng Dịch vụ công, Hệ thống một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.
- Dữ liệu thực hiện thủ tục hành chính (TTHC), cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, đánh giá sự hài lòng, phản ánh, kiến nghị,... trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.
- Dữ liệu báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia.
- Dữ liệu về việc triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

- Cách tính điểm đối với từng chỉ số:

Điểm chỉ số thứ i = Tỷ lệ đạt được của chỉ số thứ i * Mức điểm tối đa của chỉ số thứ i .

- Tổng điểm của bộ, ngành, địa phương là tổng điểm của các chỉ số.

- Kết quả phân loại như sau:

+ Từ 90 – 100 điểm: Xuất sắc.

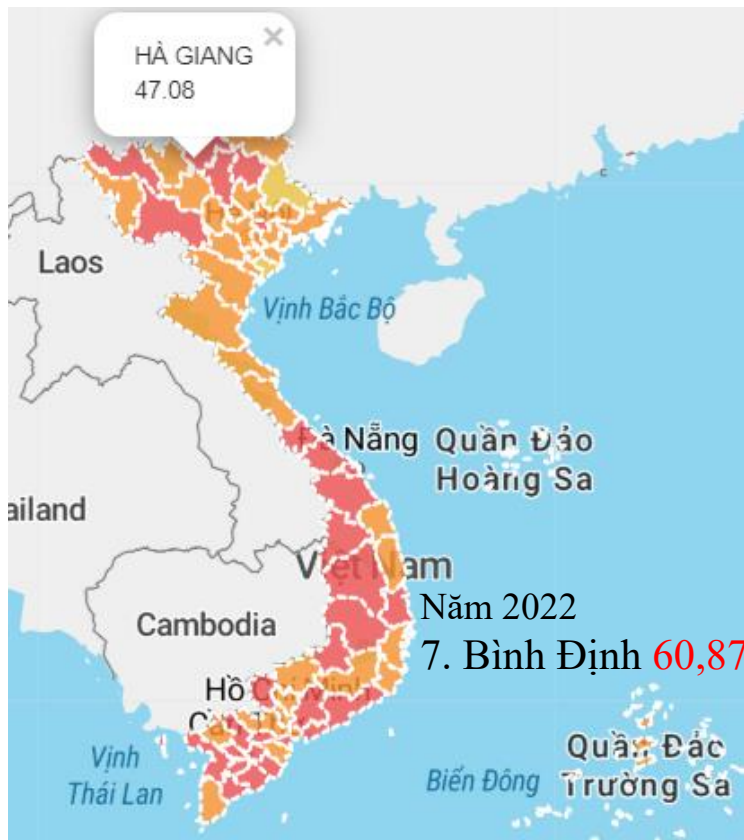
+ Từ 80 – 90 điểm: Tốt.

+ Từ 70 – 80 điểm: Khá.

+ Từ 50 – 70 điểm: Trung bình.

+ Dưới 50 điểm: Yếu.

Chỉ số tổng hợp



XẾP HẠNG TỈNH/ THÀNH PHỐ

Đơn vị

Điểm đánh giá

1. UBND tỉnh Hà Nam

68,35 □ 11,07

2. UBND tỉnh Quảng Ninh

65,59 □ 6,11

3. UBND tỉnh Hòa Bình

65,18 □ 12,96

4. UBND tỉnh Ninh Bình

63,84 □ 5,84

5. UBND tỉnh Bình Phước

62,23 □ 0,55

6. UBND tỉnh Điện Biên

61,37 □ 5,62

7. UBND tỉnh Bình Định

60,87 □ 1,83

8. UBND tỉnh Nam Định

60,5 □ 10,31

9. UBND tỉnh Lạng Sơn

60,48 □ 6,69

10. UBND tỉnh Lào Cai

59,92 □ 3,19

11. UBND tỉnh Hải Dương

59,86 □ 6,37

Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022

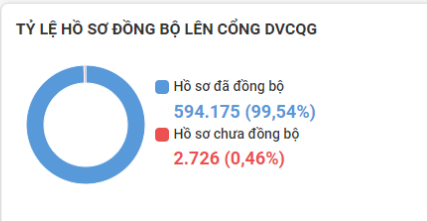
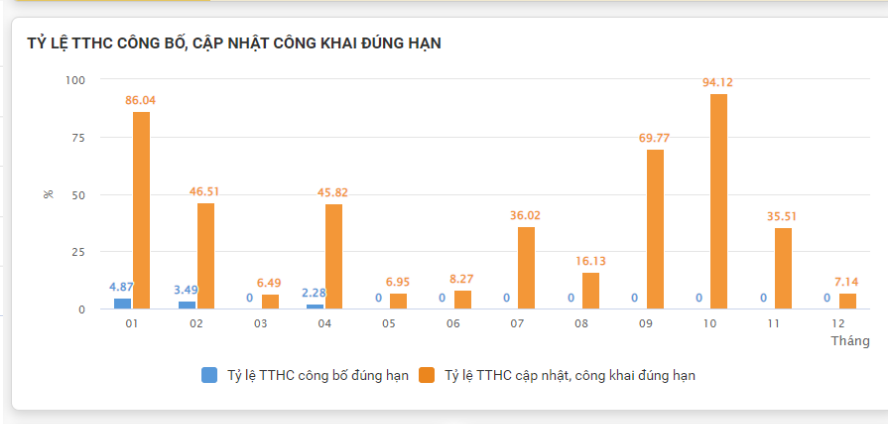
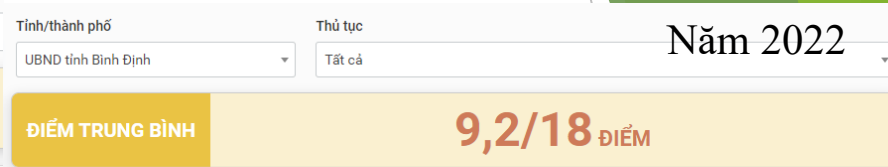
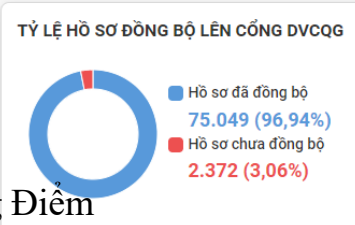
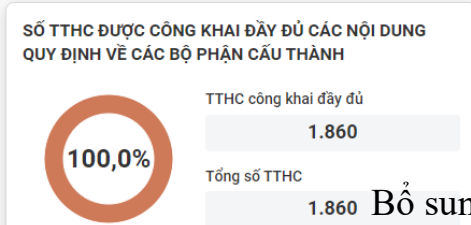
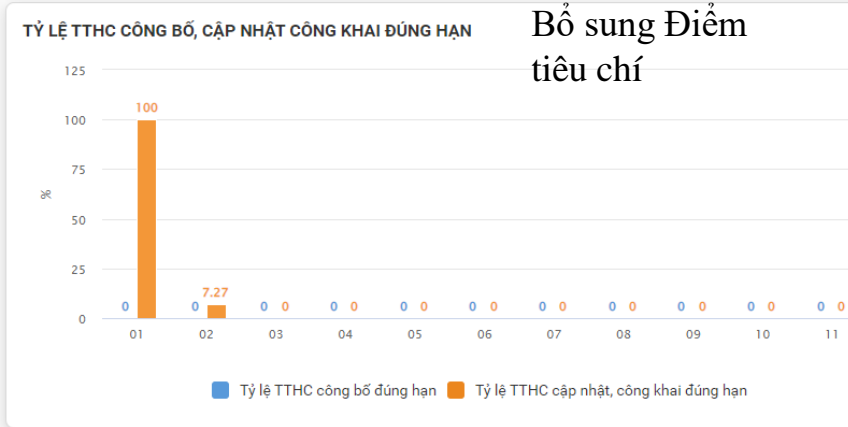
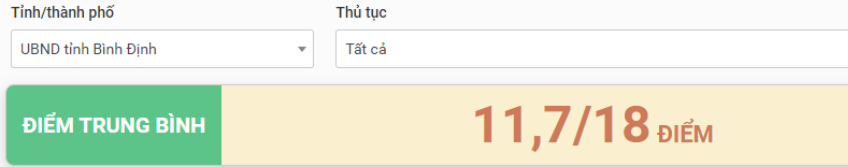
Chỉ số tổng hợp

XẾP HẠNG TỈNH/ THÀNH PHỐ

Đơn vị	Điểm danh gia	
1. UBND Huyện Vân Canh tỉnh Bình Định	74,61 ▲5,47	<div><div></div></div>
2. UBND Thị xã Hoài Nhơn tỉnh Bình Định	73,59 ▲2,79	<div><div></div></div>
3. UBND Thị xã An Nhơn tỉnh Bình Định	71,27 ▲8,54	<div><div></div></div>
4. UBND Huyện Tuy Phước tỉnh Bình Định	70,53 ▲6,69	<div><div></div></div>
5. UBND Thành phố Quy Nhơn tỉnh Bình Định	70,41 ▲7,13	<div><div></div></div>
6. UBND Huyện Phù Mỹ tỉnh Bình Định	67,86 ▲7,25	<div><div></div></div>
7. UBND Huyện Phù Cát tỉnh Bình Định	67,36 ▲6,31	<div><div></div></div>
8. UBND Huyện Vĩnh Thạnh tỉnh Bình Định	65,59 ▼0,17	<div><div></div></div>
9. UBND Huyện An Lão tỉnh Bình Định	63,84 ▼1,82	<div><div></div></div>
10. UBND Huyện Tây Sơn tỉnh Bình Định	63,81 ▲4,37	<div><div></div></div>
11. UBND Huyện Hoài Ân tỉnh Bình Định	63,45 ▼5,34	<div><div></div></div>

CÔNG KHAI, MINH BẠCH

(Công bố, cập nhật TTHC)



CÔNG KHAI, MINH BẠCH

(Công bố, cập nhật TTHC)

STT	Số quyết định	Ngày quyết định	Trích yếu	Lĩnh vực	Đơn vị	Ngày công khai	Chi tiết TTHC		
1	460/QĐ-UBND	20/02/2023	Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	UBND tỉnh Bình Định	22/02/2023	Phiên bản: Hiện tại	Đơn vị: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Ngày tạo: 14/02/2023
2	412/QĐ-UBND	15/02/2023	Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực: Lâm nghiệp, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	UBND tỉnh Bình Định	17/02/2023			
3	158/QĐ-UBND	16/01/2023	Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực: Phát thanh truyền hình và thông tin điện tử; Xuất bản, In và phát hành thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Thông tin và Truyền thông	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử (Bộ Thông tin và Truyền thông); Xuất Bản, In và Phát hành (Bộ Thông tin và Truyền thông)	UBND tỉnh Bình Định	16/01/2023	Mã thủ tục: 1.011479	Số quyết định: 554/QĐ-BNN-TY (bãi bỏ QĐ 372/QĐ-BNN-TY ngày 19/01/2023)	Tên thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)
4	157/QĐ-UBND	16/01/2023	Công bố Danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	UBND tỉnh Bình Định	16/01/2023	Công khai		
5	74/QĐ-UBND	09/01/2023					Phiên bản: 2	Đơn vị: Bộ Thông tin và Truyền thông	Ngày tạo: 11/01/2023
6	149/QĐ-UBND	13/01/2023					Phiên bản: 1	Đơn vị: Bộ Thông tin và Truyền thông	Ngày tạo: 31/03/2020

Mã thủ tục:

1.008201

Ngày Quyết định 31/12/2022
Ngày có hiệu lực: 01/01/2023

CÔNG KHAI, MINH BẠCH

(Công bố, cập nhật TTHC)



Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công Thương
Thời gian ký: 16.02.2022

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2544/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành,
thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hóa chất
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Hóa chất và Chánh Văn phòng Bộ Công Thương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi bổ sung trong lĩnh vực Hóa chất thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 12 năm 2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Hóa chất và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CÔNG KHAI, MINH BẠCH

(đồng bộ hồ sơ)

TỶ LỆ HỒ SƠ ĐỒNG BỘ LÊN CỔNG DVCQG



■ Hồ sơ đã đồng bộ
75.049 (96,94%)

■ Hồ sơ chưa đồng bộ
2.372 (3,06%)

Tỉnh/Thành

Tỉnh/Thành

UBND tỉnh Bình Định

Bảng thống kê tình hình nhận và xử lý hồ sơ theo tháng toàn quốc

STT	Tháng	Số hồ sơ nhận trong kỳ	Số hồ sơ tồn kỳ trước chuyển sang	Tổng hồ sơ xử lý trong kỳ
1	Tháng 1	30030	8812	38842
2	Tháng 2	47391	7013	54404

Báo cáo dịch vụ công

Thống kê tình hình đồng bộ hồ sơ

Khuyến mại - Thống kê theo trạng thái xử lý hồ sơ của các Sở Công thương

Khuyến mại - Thống kê chương trình khuyến mại được gửi từ Cổng quốc gia

Danh sách TBKM chưa gửi được qua VXDP

Thống kê tình hình xử lý hồ sơ

Thống kê hồ sơ nộp từ cổng DVCQG

Thống kê chứng thực điện tử

TIẾN ĐỘ GIẢI QUYẾT

> TỈNH/THÀNH PHỐ

Nhóm chỉ số

Tiến độ giải quyết

Loại thời gian

Năm

Năm

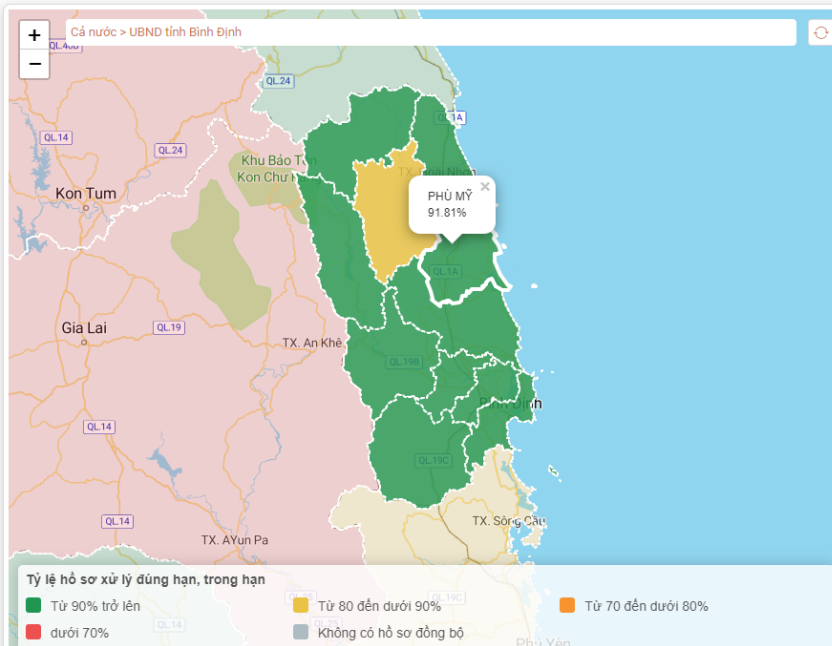
2023

Tỉnh/thành phố

UBND tỉnh Bình Định

Thủ tục

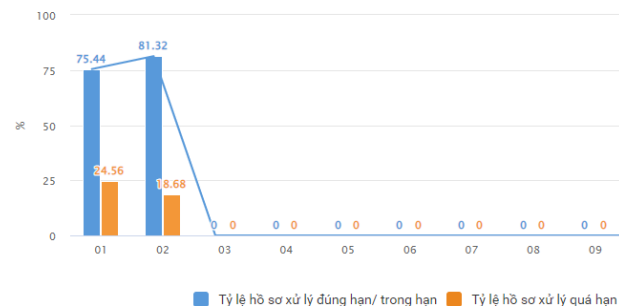
Tất cả



ĐIỂM TRUNG BÌNH

17,1/20 ĐIỂM

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ



THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TRUNG BÌNH CỦA TTHC

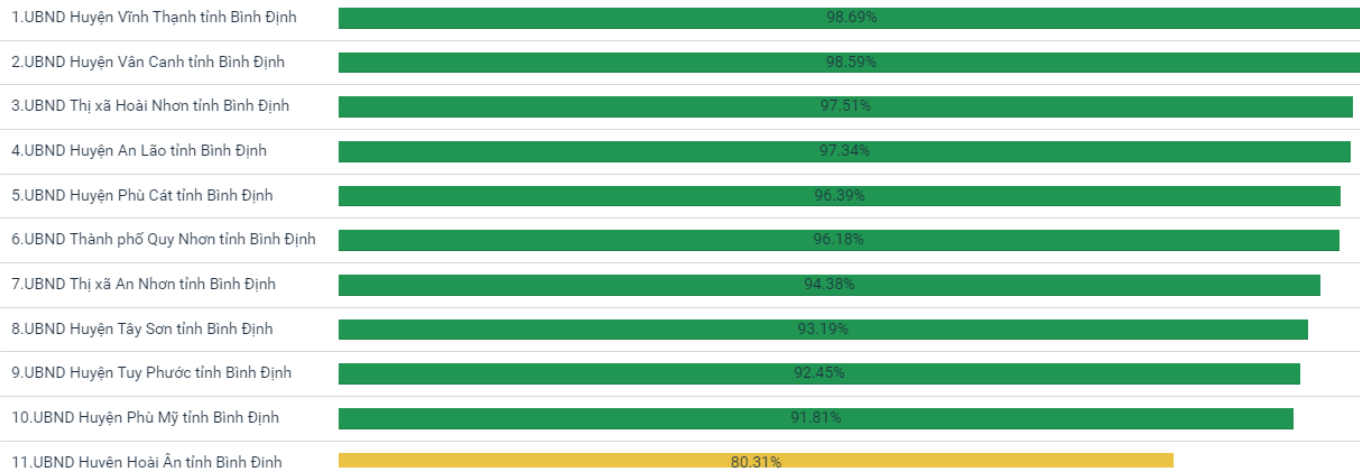
Tất cả

TIẾN ĐỘ GIẢI QUYẾT

TÌNH HÌNH KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ TTHC

Đơn vị

Cấp Sở



■ Từ 90% trở lên

■ Từ 70 đến dưới 80%

■ Không có hồ sơ đồng bộ

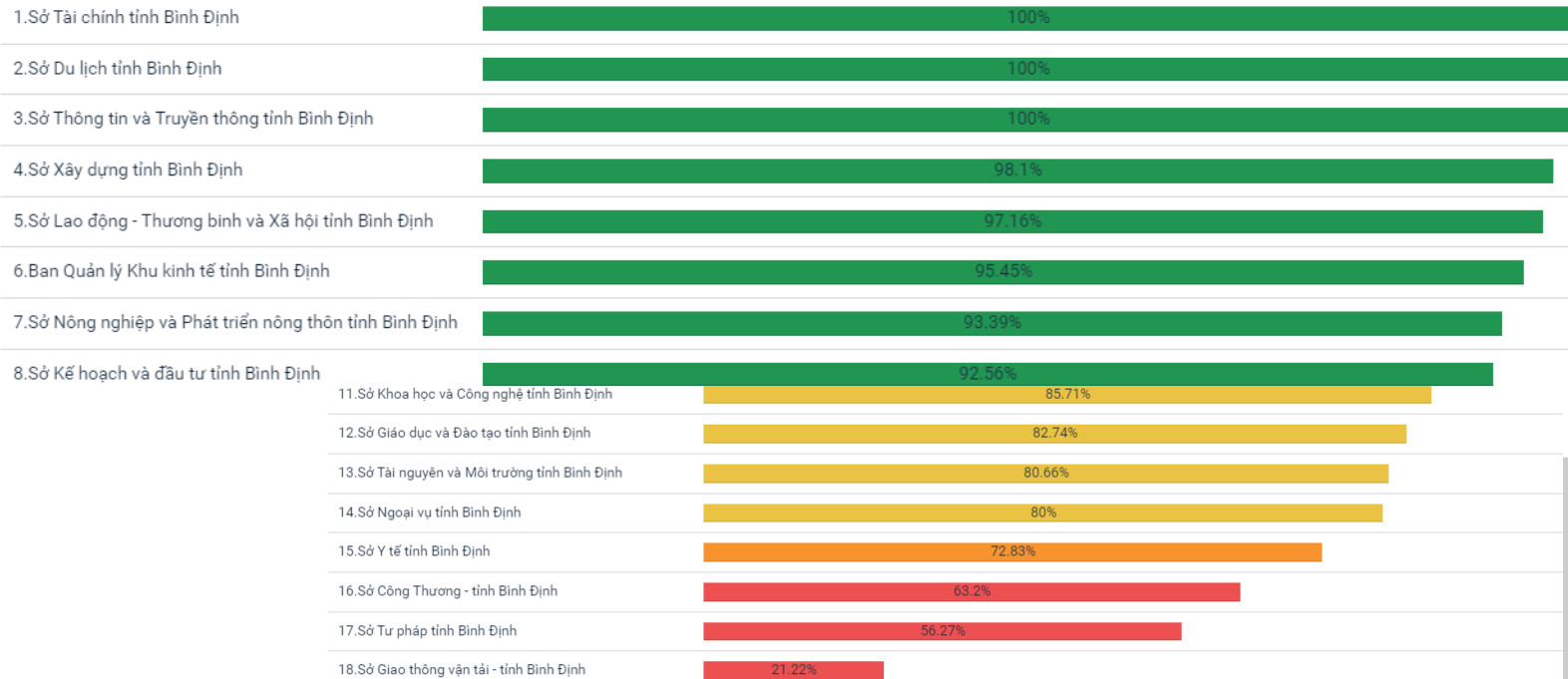
■ Từ 80 đến dưới 90%

■ Dưới 70%

TIẾN ĐỘ GIẢI QUYẾT

TÌNH HÌNH KẾT QUẢ XỬ LÝ HỒ SƠ TTHC

Đơn vị **Cấp Sở**



Từ 90% trở lên

Từ 70 đến dưới 80%

Không có hồ sơ đồng bộ

Từ 80 đến dưới 90%

Dưới 70%

TIẾN ĐỘ GIẢI QUYẾT

THỐNG KE HỒ SƠ XỬ LÝ QUÁ HẠN THEO CƠ QUAN / ĐƠN VỊ

UBND tỉnh Bình Định

STT	Tên cơ quan/đơn vị	Mã định danh	Tổng số hồ xử lý quá hạn	Danh sách hồ sơ
1	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Bình Định	000.00.04.H08	996	 
2	Sở Tư pháp tỉnh Bình Định	000.00.13.H08	841	 
3	UBND Huyện Hoài Ân tỉnh Bình Định	000.00.33.H08	702	

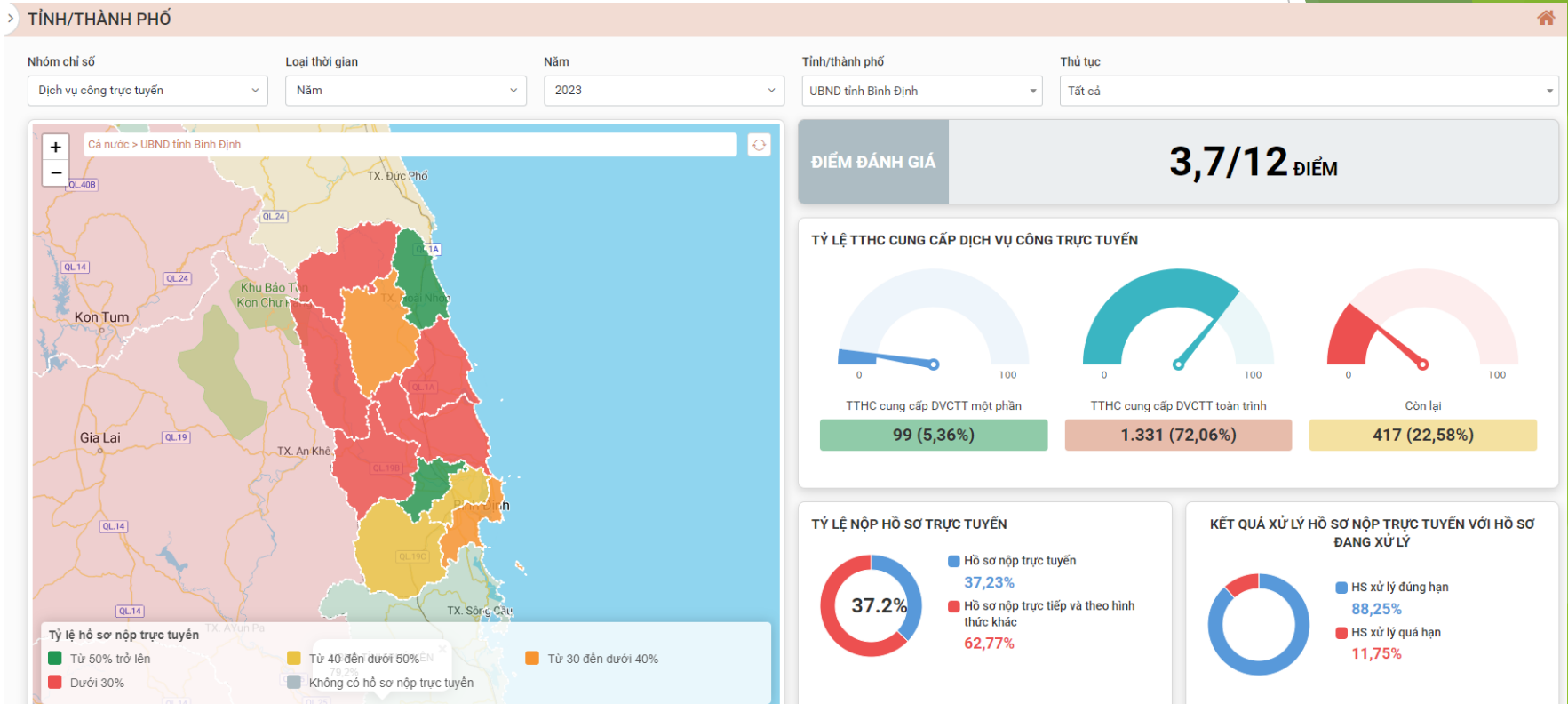
DANH SÁCH HỒ SƠ XỬ QUÁ HẠN XỬ LÝ TRONG KỲ

Mã hồ sơ	Ngày tiếp nhận	Ngày hẹn trả	Đơn vị xử lý	Ngày trả	
▶ 000.00.04.H08-230222-0611	22/02/2023	24/02/2023	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Bình Định		
▶ 000.00.04.H08-230221-0994	21/02/2023	24/02/2023	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Bình Định		
▼ 000.00.04.H08-230221-0996	21/02/2023	24/02/2023	Sở Giao thông vận tải - tỉnh Bình Định		
Tên cán bộ xử lý	Chức danh	Mô tả	Đơn vị xử lý	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
Admin API		Bàn giao	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả	Feb 21, 2023 5:53:57 PM	Feb 21, 2023 5:54:23 PM
Admin API		Trình Lãnh đạo Sở phê duyệt		Feb 23, 2023 7:13:45 AM	Feb 23, 2023 7:14:05 AM

▼ 000.00.04.H08-230220-0872 20/02/2023 22/02/2023 Sở Giao thông vận tải - tỉnh Bình Định

Tên cán bộ xử lý	Chức danh	Mô tả	Đơn vị xử lý	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc
Nguyễn Thị Thúy Hồng		Hồ sơ đang giải quyết	Cán bộ tiếp nhận và trả kết quả	Feb 20, 2023 2:27:04 PM	Feb 20, 2023 2:27:04 PM
Lê Minh Thắng		Yêu cầu bổ sung-xe 77c16875 vi phạm tốc độ chưa xử lý	Chuyên viên	Feb 20, 2023 2:44:06 PM	Feb 20, 2023 2:44:06 PM

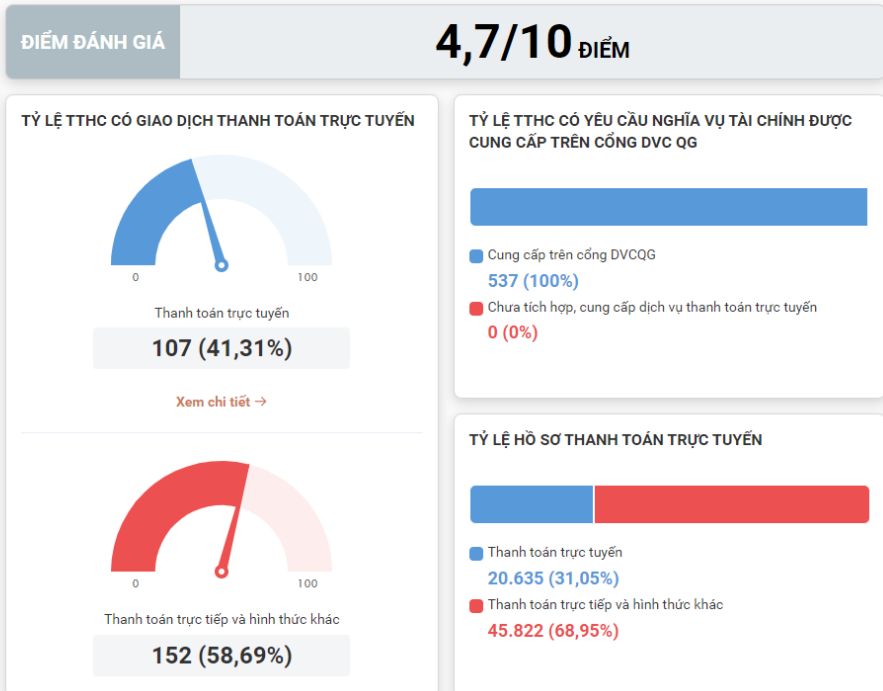
DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN



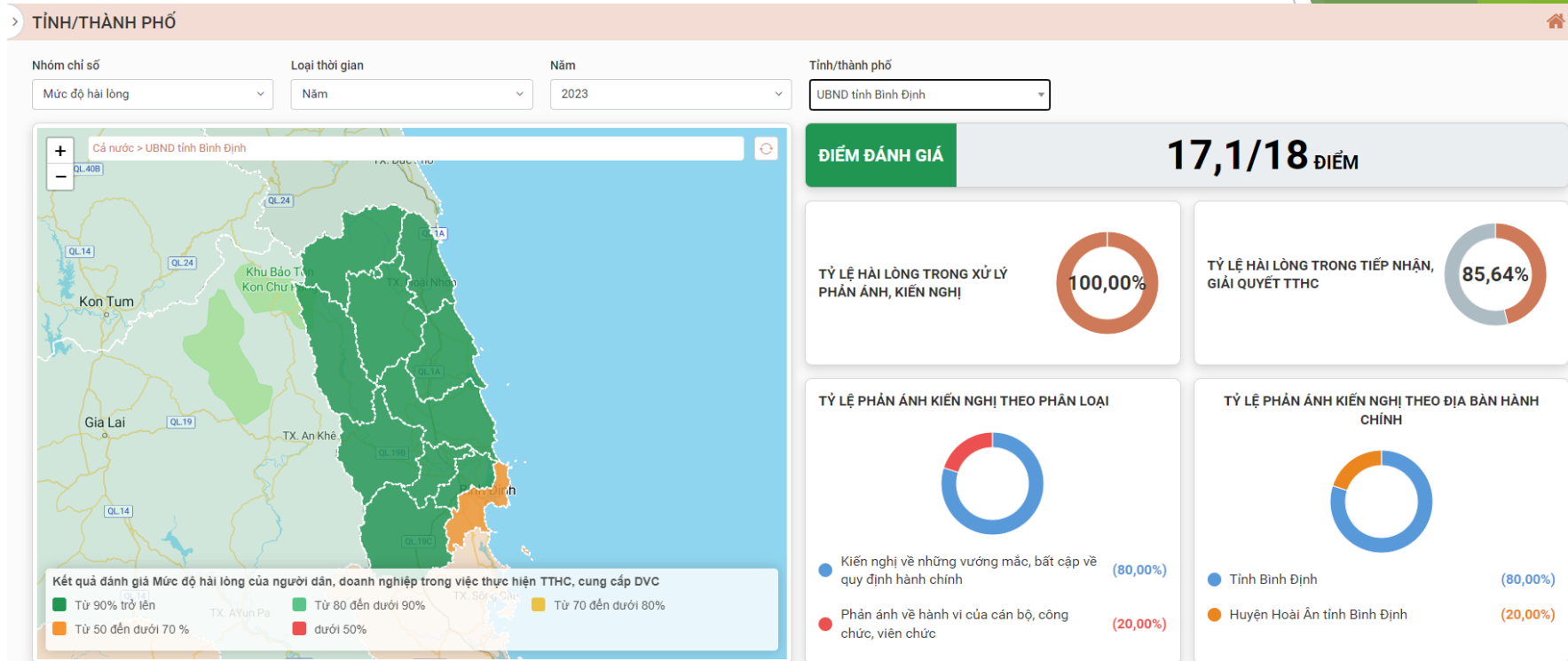
TỈNH/THÀNH PHỐ

Thủ tục

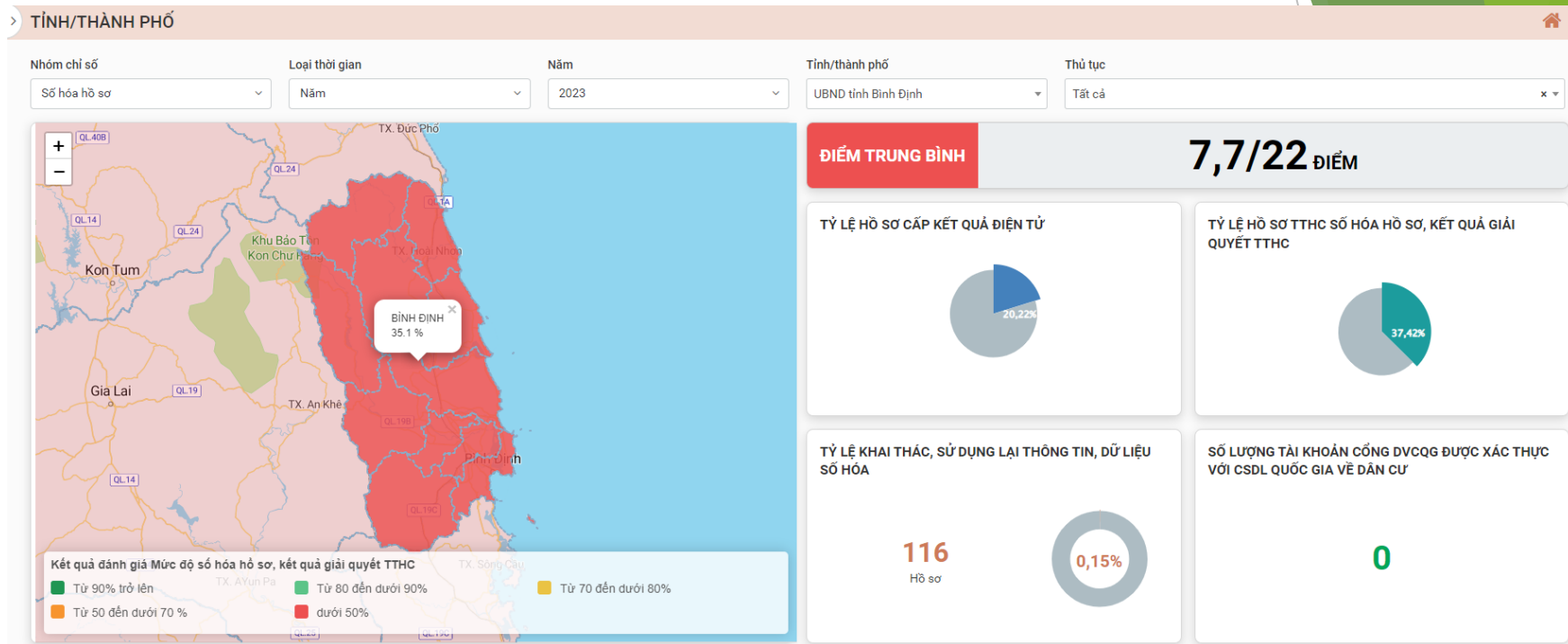
Tất cả



MỨC ĐỘ HÀI LÒNG



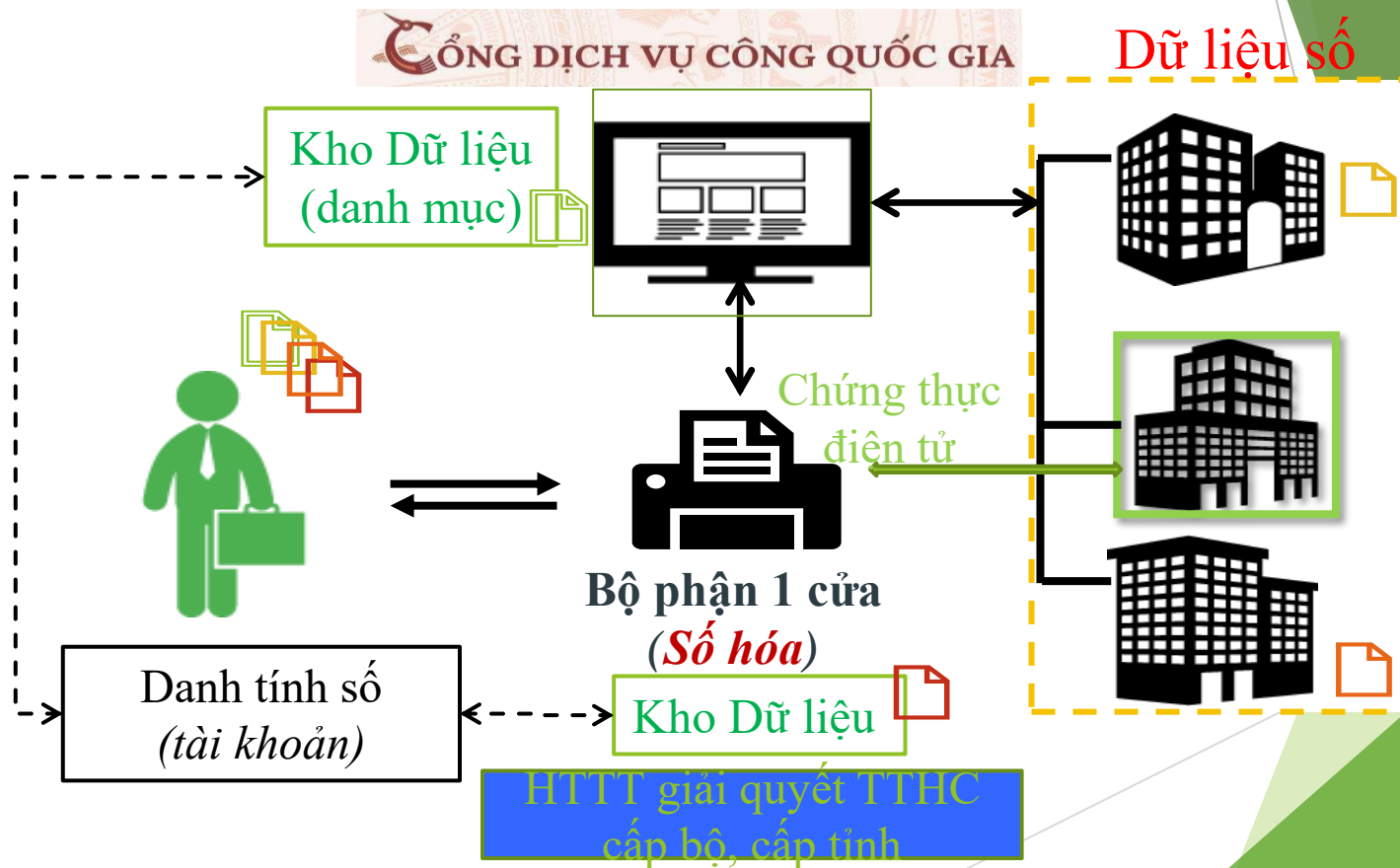
Số hóa hồ sơ



MỘT SỐ VẤN ĐỀ CẦN NÂNG CẤP

- Bổ sung chỉ số từng thành phần;
- Cách tính một số chỉ số: Đồng bộ hồ sơ;
- Bổ sung báo cáo tổng hợp các chỉ số;
- Chuẩn hóa hồ sơ, biểu mẫu; dữ liệu thanh toán;
- Số hóa hồ sơ;
- Năng lực, hiệu năng hệ thống; tổng hợp dữ liệu định kỳ.
- Cập nhật mã định danh cơ quan theo QĐ 20/2020/QĐ-TTg; điều chỉnh địa giới hành chính.

SỐ HÓA KẾT QUẢ, HỒ SƠ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH



Chứng thực điện tử

- ▶ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP: Điều 10 Yêu cầu cấp bản sao điện tử có giá trị pháp lý
- ▶ Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2021: Tỷ lệ đơn vị cấp xã cung cấp dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính đạt **35%**
- ▶ Tài liệu hướng dẫn văn bản số 5438/VPCP-KSTT ngày 06/7/2020:
 - Tập huấn, quán triệt tới các cơ quan, đơn vị liên quan đặc biệt là cán bộ tư pháp, chứng thực tại UBND cấp huyện, cấp xã triển khai theo quy trình nghiệp vụ gửi kèm.
 - Quản lý tài khoản quản trị chung của tỉnh (tài khoản quản trị cấp cao); Sử dụng tài khoản quản trị cấp cao bổ sung, phân quyền cho cơ quan, đơn vị trực thuộc quản lý tài khoản trên các phân hệ của Công Dịch vụ công quốc gia
- ▶ Rà soát, bảo đảm điều kiện trang thiết bị để triển khai dịch vụ này (hạ tầng mạng, chứng thư số, máy quét văn bản,...). Trường hợp chưa đáp ứng các thiết bị chứng thư số của Lãnh đạo, công chức và cơ quan các cơ quan tiếp nhận, xử lý dịch vụ chứng thực bản sao điện tử từ bản chính (UBND xã, phường, thị trấn; Phòng tư pháp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh/thành phố), đề nghị có văn bản gửi Ban Cơ yếu Chính phủ (Cục Chứng thực số và Bảo mật thông tin) để được cung cấp.

Chứng thực điện tử

STT	Tên đơn vị	Số lượng hồ sơ theo trạng thái					
		Chờ ký	Chờ đóng dấu	Hoàn thành	Hủy	Từ chối	Tổng số
1	UBND tỉnh Bắc Giang	3703	5344	173254	2840	1381	186522
2	UBND tỉnh Thanh Hoá	4303	3949	154479	1283	1773	165787
3	UBND tỉnh Hải Dương	1976	2114	111592	445	464	116591
4	UBND tỉnh Bình Phước	441	1045	82312	405	1038	85241
5	UBND tỉnh Bình Định	762	889	60296	714	838	63499
6	UBND tỉnh Lâm Đồng	981	623	53146	561	536	55847
7	UBND tỉnh Quảng Ninh	1296	1407	43261	204	229	46397
8	UBND tỉnh Yên Bái	244	307	43287	497	562	44897
9	UBND Thành phố Hải Phòng	466	643	37793	716	438	40056
10	UBND tỉnh Quảng Bình	1876	1801	34580	447	425	39129
11	UBND tỉnh Bình Dương	1168	265	32462	289	373	34557
12	UBND Thành phố Đà Nẵng	481	1657	29913	196	420	32667

Số hóa hồ sơ

QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Hướng dẫn thực hiện TTHC

Người dân, doanh nghiệp tự thực hiện:

- Kiểm tra, tạo tài khoản điện tử;
- Kiểm tra hồ sơ điện tử;
- Thực hiện dịch vụ công trực tuyến,...

Cán bộ một cửa

Tiếp nhận hồ sơ TTHC

- Kiểm tra, tạo tài khoản số (nếu có)
- Số hóa hồ sơ TTHC (sao chụp và chuyển thành tệp tin trên HTTT, CSDL)

Cán bộ một cửa

Xử lý hồ sơ

- Số hóa hồ sơ TTHC (Kiểm tra thông tin trên tệp tin, chuyển sang dữ liệu điện tử trên HTTT, CSDL)
- Xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử

- Cán bộ chủ trì xử lý hồ sơ
- Cán bộ phối hợp xử lý hồ sơ

Phê duyệt và phát hành kết quả giải quyết TTHC

- Ký số
- Phát hành theo quy định PL về công tác văn thư

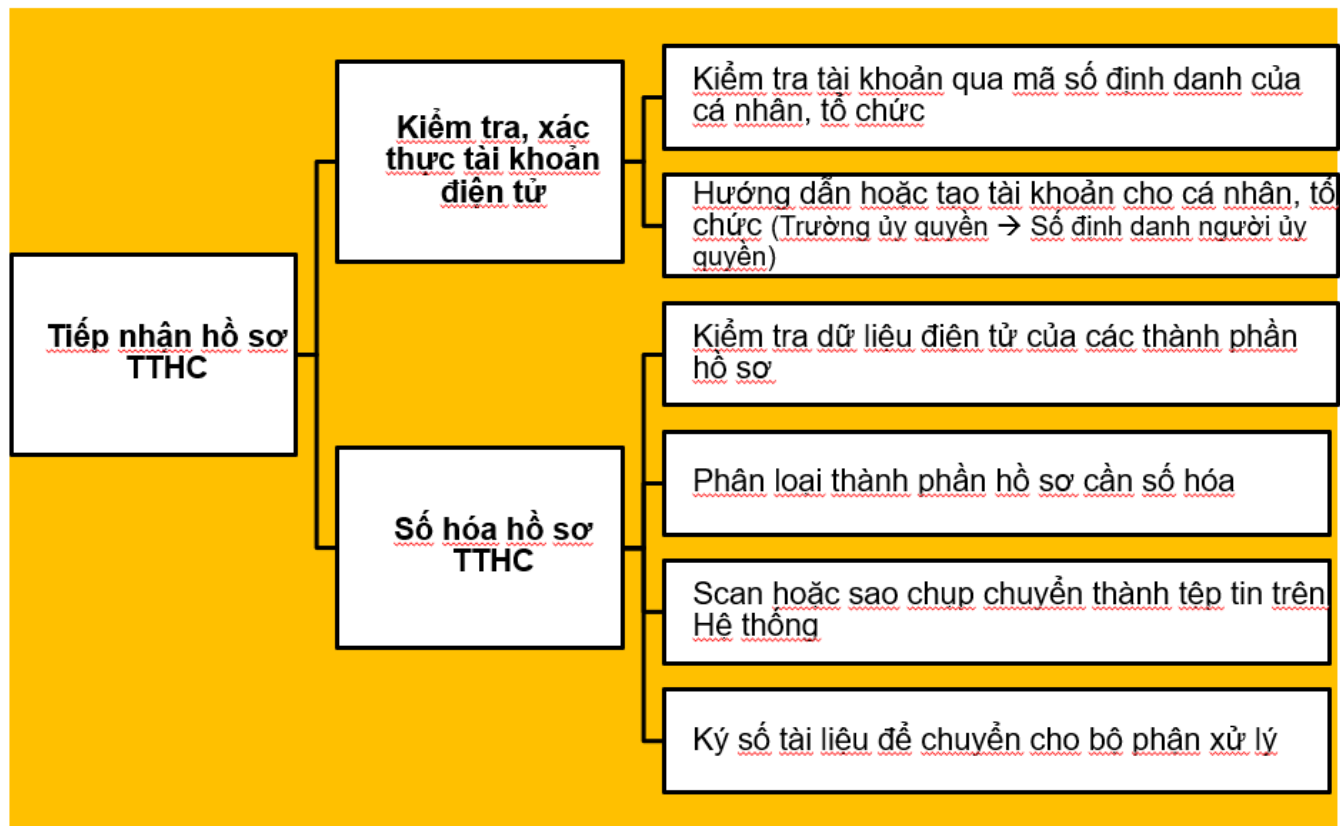
- Cơ quan/người có thẩm quyền
- Văn thư

Trả kết quả giải quyết TTHC

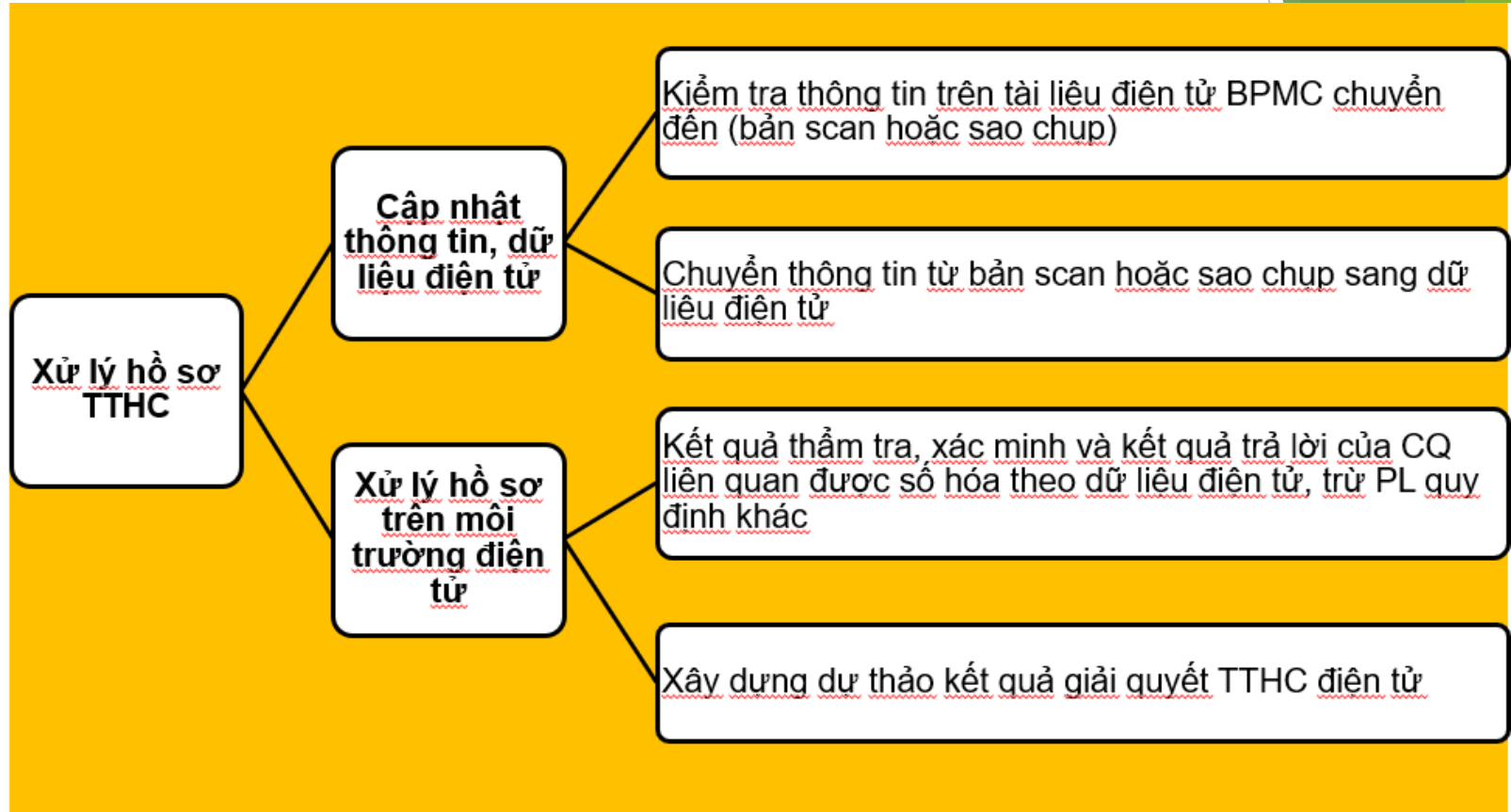
Kết quả giải quyết TTHC bản giấy và bản điện tử

Cán bộ một cửa

SỔ HÓA – Tiếp nhận hồ sơ



SỐ HÓA – Xử lý hồ sơ



SỔ HÓA – Thông tin giấy tờ

Dữ liệu điện tử của giấy tờ phải có tối thiểu các trường thông tin



Mã loại giấy tờ (được đồng bộ từ CSDLQG về TTHC)



Số định danh của cá nhân, tổ chức (CCCD; mã số DN/mã số thuế)



Tên giấy tờ (được đồng bộ từ CSDLQGTTTHC)



Trích yếu nội dung giấy tờ



Thời hạn có hiệu lực của giấy tờ



Phạm vi có hiệu lực của giấy tờ (nếu có)



Các thông tin, dữ liệu khác theo PL chuyên ngành

Sở, ngành thực hiện rà soát, tổng hợp các CSDLQG, chuyên ngành đang triển khai; tổng hợp các thông tin dữ liệu theo PL chuyên ngành cần số hóa → làm cơ sở đặt đề bài, nâng cấp, hoàn thiện kho dữ liệu cá nhân, tổ chức

SỔ HÓA – Thông tin giấy tờ

Sửa kết quả ✕



Mã kết quả Tên kết quả*

KQ.G10.000239 Chứng chỉ hành nghề thú y



Thời hạn

Tệp đính kèm

(Dung lượng tệp tin không vượt quá 20M và thuộc các định dạng sau : doc, docx, xls, xlsx, pdf)

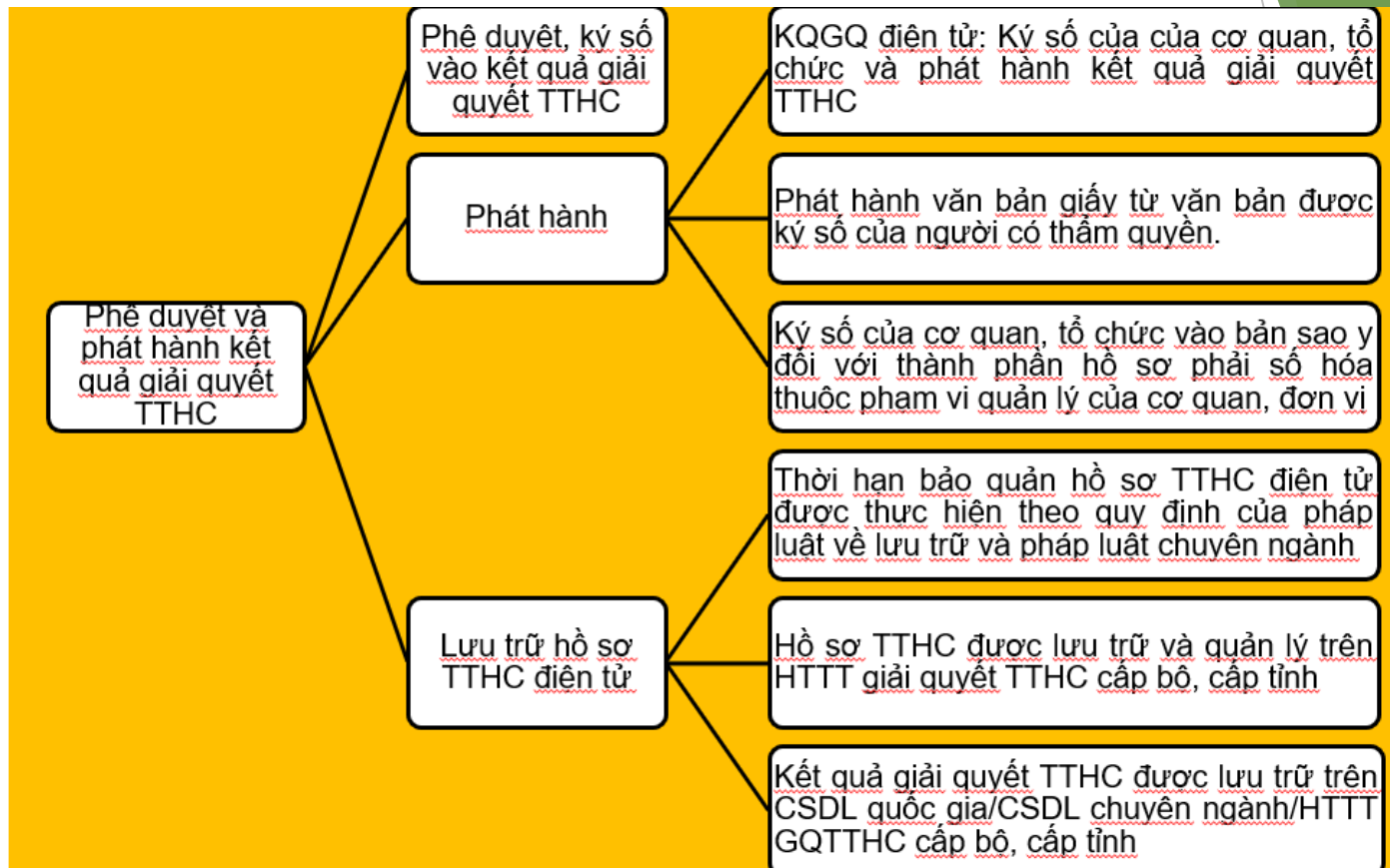
 File đính kèm: PHỤ LỤC II Chứng chỉ hành nghề TY tỉnh NB35.docx 

☒ Sử dụng

<p>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN</p> <p>CHI CỤC THÚ Y</p> <p></p> <p></p> <p>Ảnh 4x6</p> <p>SỐ ĐĂNG KÝ/TY-CCHN</p> <p>Chứng chỉ có giá trị đến</p> <p>.....</p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</p> <p>CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y</p> <p><i>Căn cứ Luật thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015; Căn cứ Nghị định số/2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thú y; Căn cứ Quyết định số/QĐ-.....</i></p> <p>CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THÚ Y..... TỈNH/THÀNH PHỐ.....</p> <p>Cấp cho Ông/Bà:</p> <p>Năm sinh:</p> <p>Địa chỉ thường trú:</p> <p>Bằng cấp chuyên môn:</p> <p>Được phép hành nghề:</p> <p>Tại:</p> <p>....., ngày tháng năm 201... CHI CỤC TRƯỞNG</p>
---	---

Chứng chỉ hành nghề thú y do chi cục thú y cấp sẽ được lưu trữ điện tử theo mã số có cấu trúc:
<mã số CCCD>.<KQ.G10.000239>

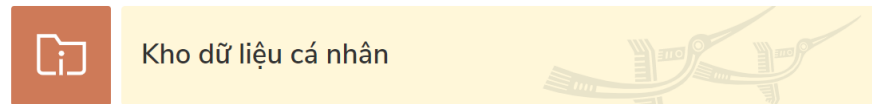
SỐ HÓA – Thông tin giấy tờ



Chuẩn hóa TTHC, DVC – số hóa

- ▶ Đồng bộ các danh mục dữ liệu dùng chung của Cổng DVCQG (CSDL quốc gia về TTHC) theo Điều 6, Điều 23 Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg;
- ▶ Nâng cấp, hiệu chỉnh Kho dữ liệu của cá nhân, tổ chức, danh mục thủ tục hành chính, Dịch vụ công trên HTTT giải quyết TTHC.
- ▶ Tài liệu hướng dẫn số hóa 9318/VPCP-KSTT ngày 21/12/2021.
- ▶ Nâng cấp các tính năng của Cổng Dịch vụ công tỉnh theo văn bản số 1552/BTTTT-THH ngày 26/4/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn kỹ thuật triển khai Đề án 06 (phiên bản 1.0)
- ▶ Tài liệu hướng dẫn kết nối, tích hợp, chia sẻ tài liệu số hóa 2916/VPCP-KSTT ngày 10/5/2022.

Chia sẻ tài liệu số hóa



Danh sách giấy tờ

Thêm giấy tờ

Danh mục giấy tờ

-- Tất cả --

Danh sách các giấy tờ

STT	Danh mục giấy tờ	Mã kết quả giải quyết TTHC	Số giấy tờ	Thao tác
-----	------------------	----------------------------	------------	----------

Không tìm thấy tài liệu điện tử theo điều kiện tìm kiếm

Danh mục giấy tờ

-- Tất cả --

Chứng minh nhân dân

Giấy chứng sinh

Giấy khai sinh

Giấy khai sinh (bản sao hợp lệ)

Hộ chiếu

Hồ khẩu thường trú:

Thêm mới tài liệu điện tử

Loại giấy tờ *

Giấy tờ chứng thực điện tử/Kết quả giải quyết TTHC

Danh mục giấy tờ *

-- Chọn danh mục giấy tờ --

Tên giấy tờ *

Số ký hiệu

Đính kèm giấy tờ: *

Chọn file

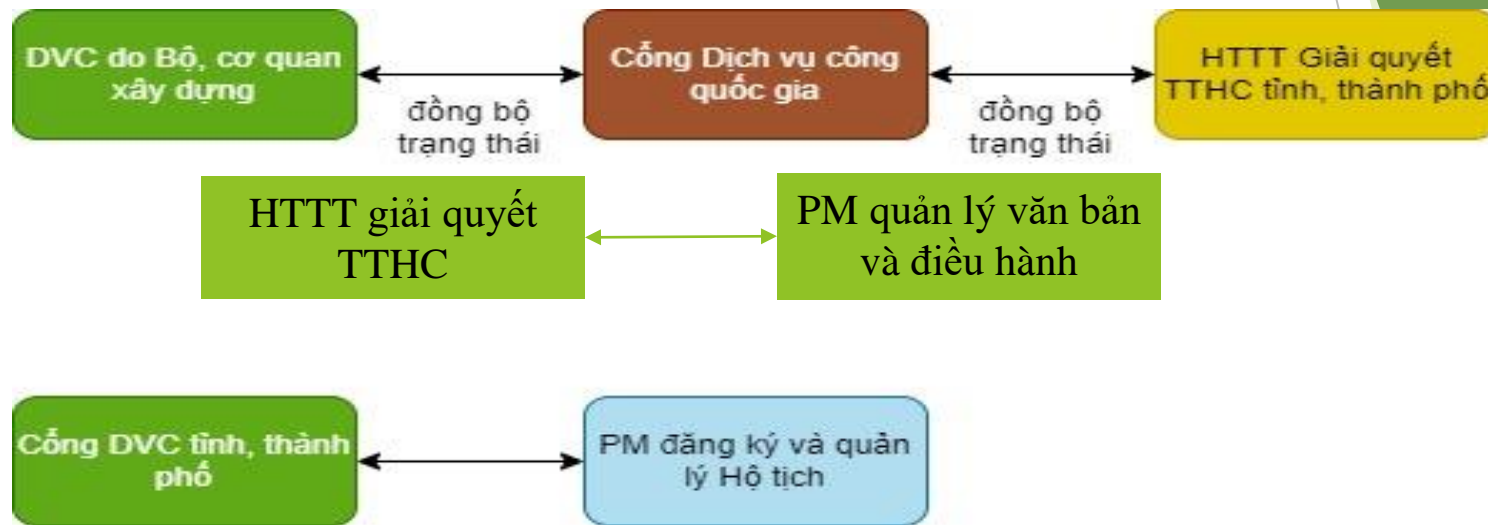
Chỉ đính kèm tệp tin ký bằng chứng thư số được cấp bởi Ban Cơ yếu Chính phủ

Thêm mới

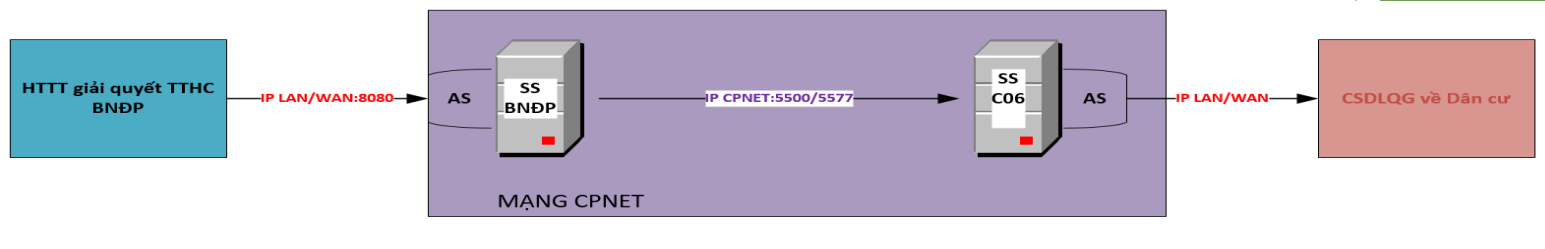
Hủy bỏ

13. Kết nối các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, DVC triển khai tập trung

Văn bản số 1832/BTTTT-THH ngày 16/05/2022 của Bộ TTTT v/v đơn đốc, thúc đẩy hiệu quả cung cấp, sử dụng DVCTT: Điểm 5 và phụ lục Danh mục các CSDL, HTTT đã kết nối, sẵn sàng cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP)



14. Kết nối CSDLQG về Dân cư



- ▶ API xác thực CCCD/CMND;
- ▶ API xác thực thông tin hộ gia đình;
- ▶ API tra cứu thông tin công dân.

Tái cấu trúc quy trình – Đổi GPLX



Tái cấu trúc quy trình – Đổi GPLX

BENHVIEN	TONG
Trung tâm y tế thị xã Hoài Nhơn	50
Trung tâm y tế quận Ngũ Hành Sơn	80
Bệnh viện 331	1
Bệnh viện đa khoa khu vực thị xã Mường Lay	1
Trung tâm y tế thành phố Quy Nhơn	9
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HÙNG VƯƠNG	1
Bệnh viện Đa khoa Minh Đức	16
Bệnh Viện Đa Khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn	2
Bệnh Viện Quân Dân Y Miền Đông	1
TTYT Thành phố Móng Cái	2
Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh	200
Trung tâm y tế huyện Châu Thành	25
Bệnh viện đa khoa Long An	2
Bệnh viện đa khoa Minh An	1
Phòng Khám Đa Khoa Trí Tâm	12
Bệnh viện Bãi Cháy	161
Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	2
Bệnh viện Bình Định	14
TRUNG TÂM Y TẾ ĐÀM HÀ	142
PHÒNG KHÁM ĐA KHOA MỸ THẠNH (TPHONE)	4
TTYT Thành phố Điện Biên Phủ	1
Bệnh viện Phong - Da liễu trung ương Quy Hòa - Đa khoa	20
TRUNG TÂM Y TẾ HẢI HÀ	230
Bệnh viện đa khoa tư nhân Hòa Bình	670

Podcast
YouTube

THỜI SỰ
THẾ GIỚI
PHÁP LUẬT
KINH DOANH
CÔNG NGHỆ
XE
DU LỊCH
NHỊP SỐNG TRẺ
VĂN HÓA
GIẢI TRÍ

Bạn đọc làm báo
16/02/2023 14:15 GMT+7

Hỗ trợ cấp đổi giấy phép lái xe... tại trung tâm y tế quận

TRƯỜNG TRUNG
Nghe đọc bài 2:23
1x
Tuổi Trẻ trên Google News

Người dân có nhu cầu cấp đổi giấy phép lái xe chỉ cần một bước đến khám sức khỏe tại Trung tâm Y tế quận Ngũ Hành Sơn (TP Đà Nẵng) sau đó nhận giấy phép mới tại nhà.

Tái cấu trúc quy trình – Đăng ký xe

Tờ khai đăng ký xe

Phạm vi triển khai trên toàn quốc : (1) Đối với xe ô tô sản xuất lắp ráp trong nước có phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng từ ngày 10/08/2020 trở đi; (2) Đối với xe ô tô, xe gắn máy nhập khẩu có tờ khai hải quan từ ngày 01/12/2020 trở đi.



Tra cứu thông tin xe



Khai báo thông tin



Nộp tờ khai

Thông tin xe *



Mô tô, xe gắn máy



Ô tô

☒ Xe sản xuất lắp ráp trong nước ☐ Xe nhập khẩu

Số seri phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng *

Nhập số seri phiếu KTCLXX



Mã hồ sơ LPTB *

Nhập mã hồ sơ LPTB

Tra cứu thông tin xe

LIÊN THÔNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

SỰ KIỆN CÓ CON NHỎ



Tờ khai 1



Giấy chứng sinh



Đăng ký kết hôn



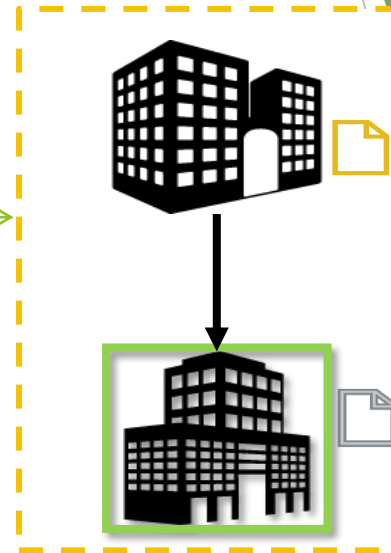
Tờ khai 2



Tờ khai 3



CM nơi cư trú

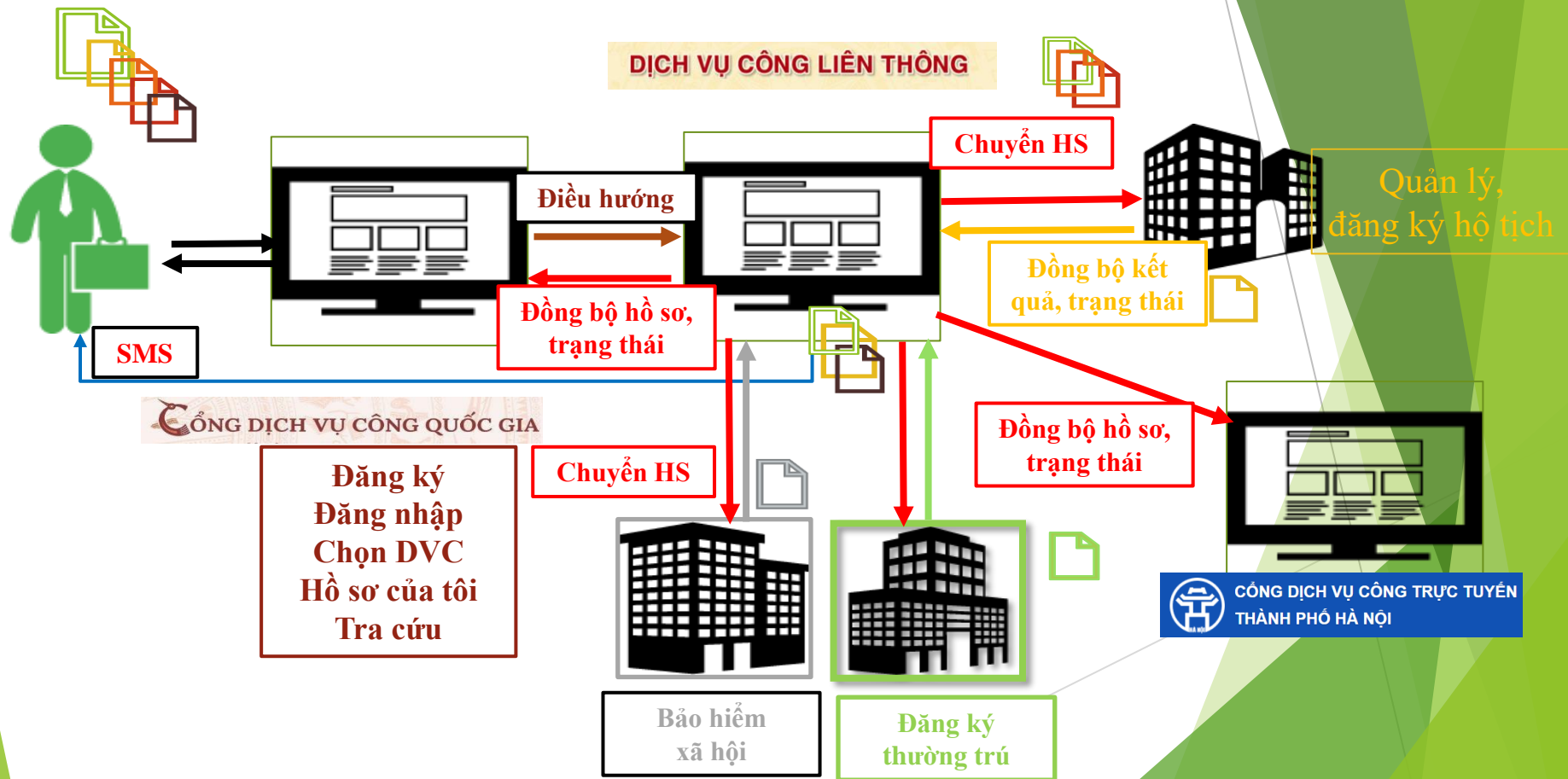


Giấy khai sinh

Thẻ BHYT



CHÍNH PHỦ SỐ - CUNG CẤP DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN



TTHC liên thông – sự kiện Có con nhỏ

- Bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành đối với các TTHC riêng lẻ;
- Tờ khai 03 trong một;
- Điền sẵn thông tin trong tờ khai; đặc biệt trong trường hợp người yêu cầu là Cha/mẹ đẻ của trẻ;
- Chứng sinh điện tử (Bộ Y tế đang triển khai);
- Không yêu cầu nộp CCCD, Chứng nhận chỗ ở hợp pháp khi đăng ký thường trú tại cùng địa chỉ với bố/mẹ;
- Giảm thời gian thực hiện: 3 ngày làm việc (1 ngày với cơ quan tư pháp; 2 ngày với CA, BHXH);
- Cán bộ tư pháp hộ tịch cấp bản sao điện tử của Giấy khai sinh để bảo đảm hồ sơ được tiếp nhận tại BHXH, Công an.
- Giảm đi lại; thời gian luân chuyển hồ sơ.
- Chuẩn hóa, làm giàu các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành.

XIN CẢM ƠN!



TRUNG TÂM DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA
dichvucong.gov.vn